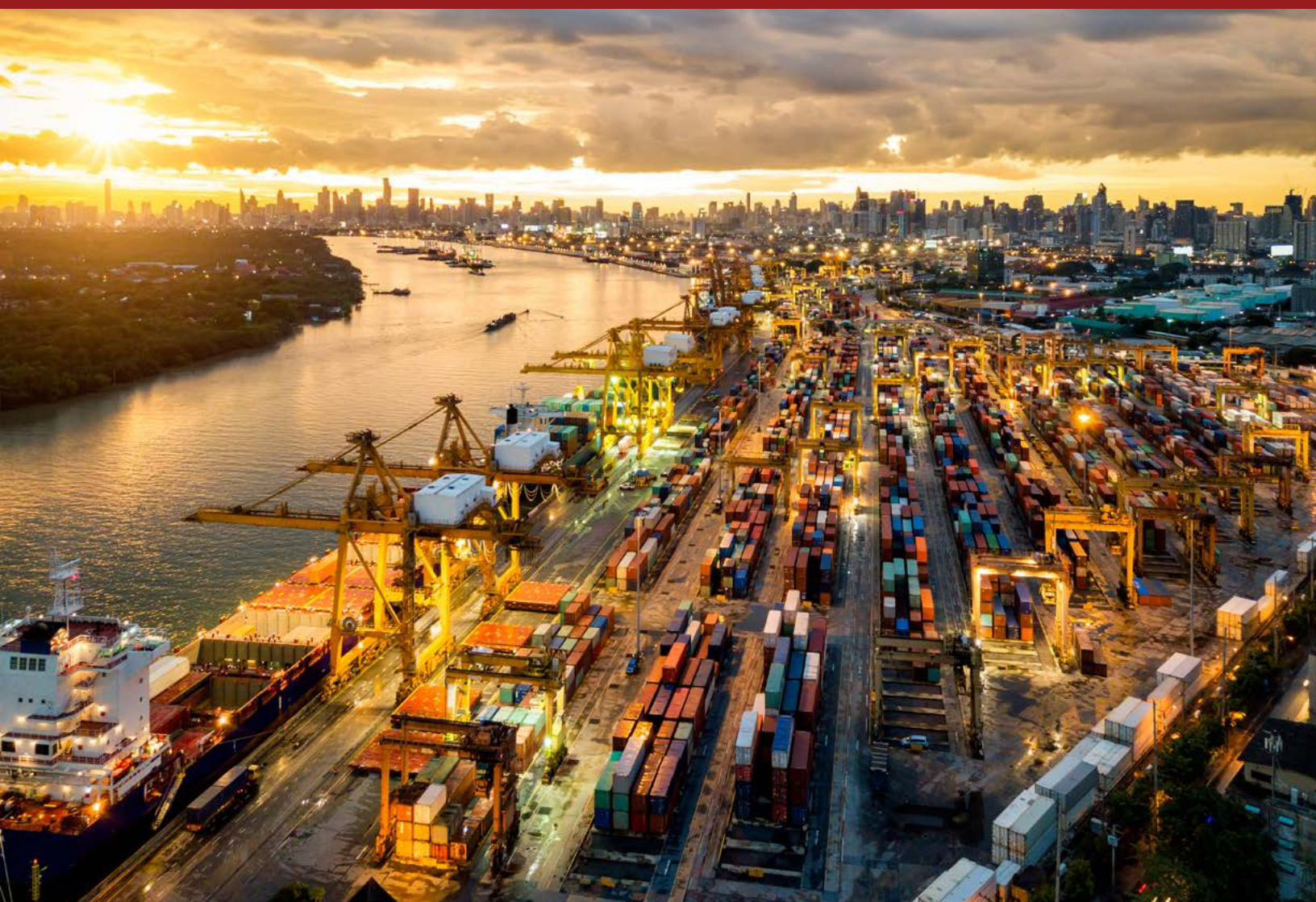


CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á - THÁI BÌNH DƯƠNG,
THÁNG 10/2022

CẢI CÁCH ĐỂ PHỤC HỒI



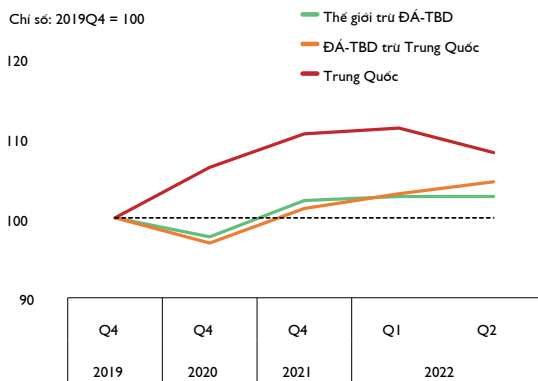
TỔNG QUAN

Tăng trưởng ở hầu hết các quốc gia trong khu vực Đông Á - Thái Bình Dương (ĐÁ-TBD) đã phục hồi trong nửa đầu năm 2022, riêng Trung Quốc bị lỡ đà tăng trưởng (Hình O1A; Bảng O1). Nhu cầu trong nước đã hồi lại ở hầu hết các quốc gia sau những khó khăn của đợt lây nhiễm biến chủng COVID Delta. Tại Trung Quốc, những biện pháp kiểm chế biến chủng Omicron lây lan nhanh đang làm cản trở tiêu dùng. Hầu hết các quốc gia trong khu vực được dự báo đạt tăng trưởng cao hơn và lạm phát thấp hơn so với các khu vực khác trong năm 2022 (Hình O1B)

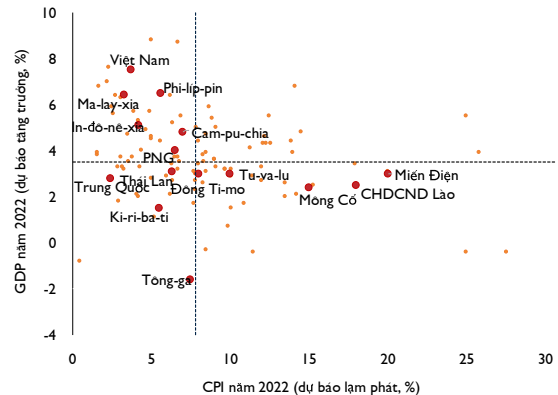
Sau khi kết thúc năm 2022, có ba yếu tố dự kiến sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng: suy giảm tăng trưởng toàn cầu, nợ gia tăng và méo mó chính sách. Các biện pháp nhằm kiểm chế lạm phát và nợ hiện nay càng làm gia tăng méo mó trên thị trường lương thực thực phẩm, nhiên liệu và tài chính theo hướng có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng. Đối với từng nguy cơ trên, cần có những biện pháp hiệu quả để xử lý những khó khăn hiện nay sao cho không ảnh hưởng xấu đến các mục tiêu dài hạn.

Hình O1. Ngay cả khi nền kinh tế Trung Quốc chững lại trong nửa đầu năm 2022, các quốc gia khác trong khu vực vẫn tiếp tục tăng trưởng tốt; tại các quốc gia lớn khu vực ĐÁ-TBD, tăng trưởng được dự báo cao hơn còn lạm phát thấp hơn so với các quốc gia khác trên thế giới

A. GDP so với các mức trước đại dịch



B. Dự báo tăng trưởng GDP và lạm phát năm 2022



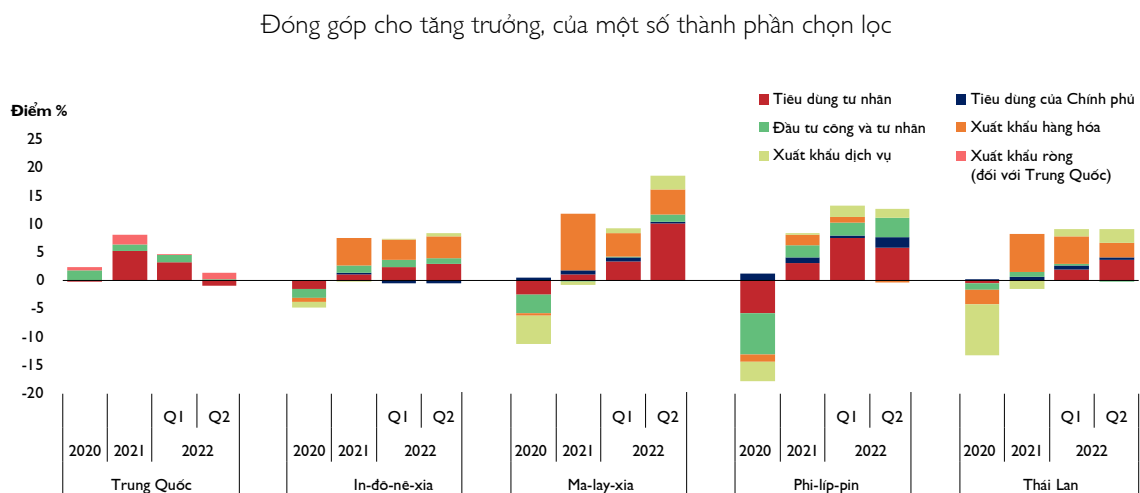
Nguồn: Ngân hàng Thế giới; Fitch.

Ghi chú: A. GDP theo giá so sánh được điều chỉnh theo mùa vụ tính chỉ số với quý tư năm 2019 (100). B Đường đứt đoạn thể hiện mức trung vị của các quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi (EMDE).

Yếu tố nào tạo nên tăng trưởng?

Hầu hết các quốc gia ĐÁ-TBD đạt tốc độ tăng trưởng tương đối cao trong hầu hết năm 2022 nhờ ba nguyên nhân: tiêu dùng tư nhân phục hồi mạnh hơn dự kiến trong nửa đầu 2022 sau những khó khăn do biến chủng Delta gây ra vào nửa cuối năm 2021 (Hình O2); nhu cầu trên toàn cầu về hàng hóa và sản phẩm chế tạo xuất khẩu của các quốc gia ĐÁ-TBD vẫn bền vững, dù đang có dấu hiệu yếu đi (Hình O3); chính sách tiền tệ và tài khóa đến nay mới thắt chặt ở mức hạn chế, tuy áp lực thắt chặt có thể gia tăng (Hình O4).

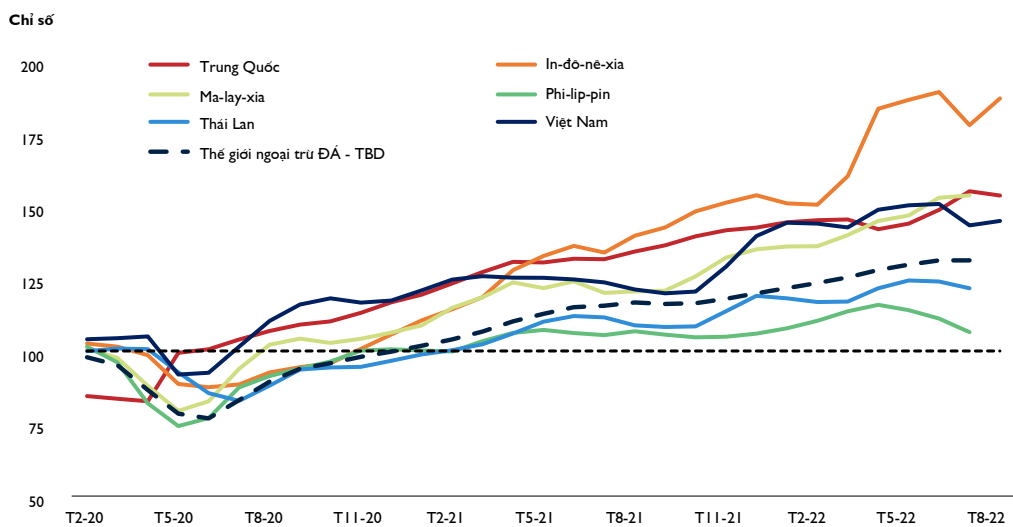
Hình O2. Phục hồi sau cú sốc Covid-19, tiêu dùng tư nhân đóng góp cho tăng trưởng tại các quốc gia ĐÁ-TBD ngoài Trung Quốc



Nguồn: Haver Analytics

Ghi chú: Tiêu dùng tư nhân của Trung Quốc bao gồm cả tiêu dùng của chính phủ.

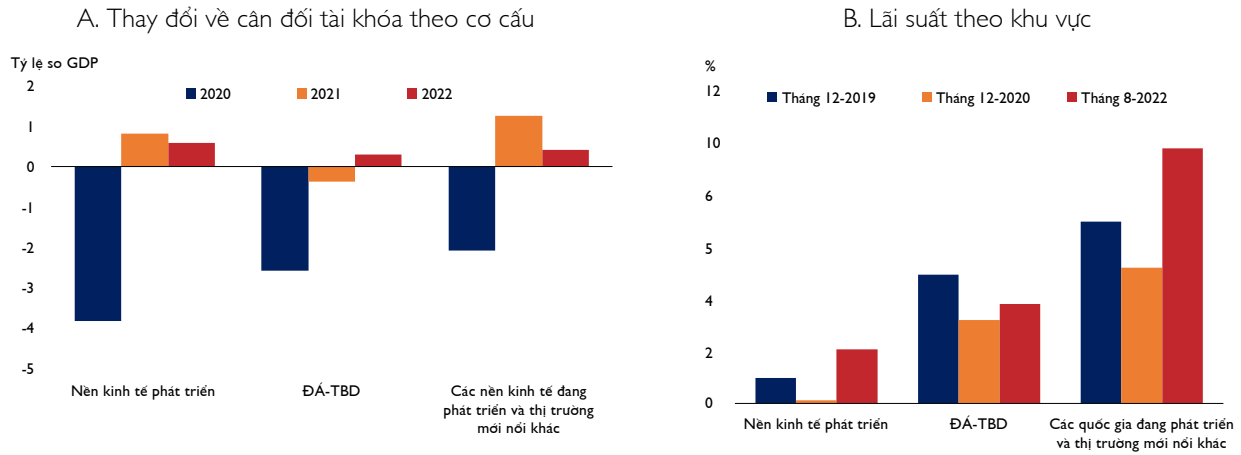
Hình O3. Xuất khẩu hàng hóa tăng trưởng mạnh tuy có dấu hiệu sức cầu bên ngoài yếu đi



Nguồn: Haver Analytics.

Ghi chú: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa được tính chỉ số theo bình quân năm 2019 (100). Được điều chỉnh theo mùa vụ. Bình quân động 3 tháng.

Hình O4. Các quốc gia ĐÁ-TBD ít thắt chặt chính sách tài khóa và tiền tệ hơn so với khu vực khác trong thời gian qua.

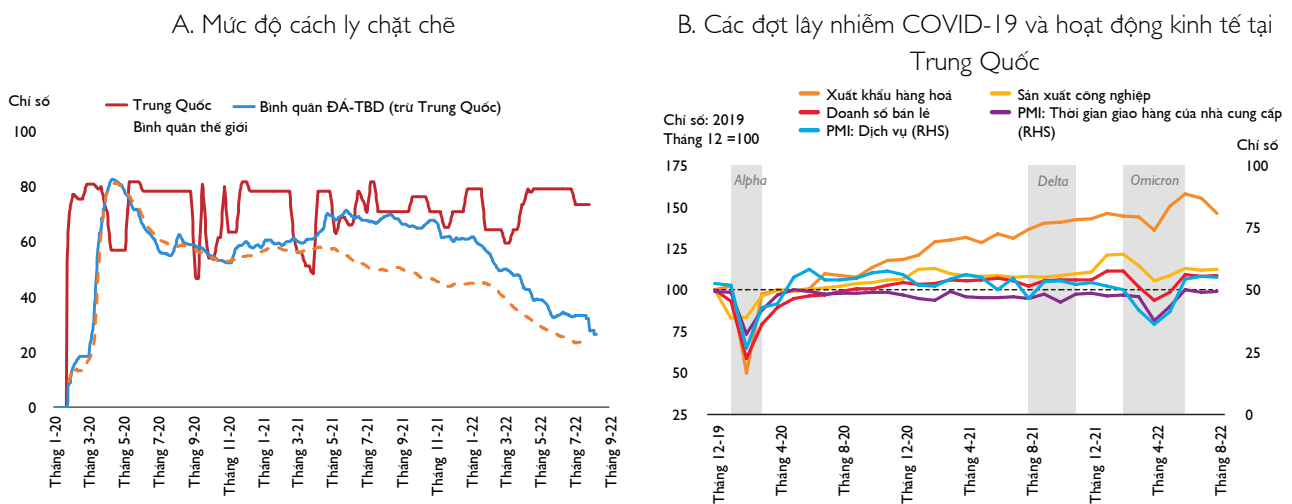


Nguồn: Haver Analytics.

Ghi chú: Lãi suất chính sách. B. Trình bày lãi suất bình quân không gia quyền của 10 quốc gia ĐÁ-TBD, 17 quốc gia Đông Á và 56 quốc gia đang phát triển và thị trường mới nổi (EMDE) khác.

Tác động kinh tế của COVID-19 đến nay có lẽ chỉ còn ở mức nhỏ tại hầu hết các quốc gia trên thế giới, nhưng vẫn còn lớn ở Trung Quốc, quốc đảo Mác-san, Mi-crô-nê-xia và Pa-lau. Trung Quốc vẫn duy trì chính sách không COVID, áp dụng xét nghiệm hàng loạt và hạn chế đi lại có mục tiêu để kiềm chế bệnh dịch bùng phát (Hình O5A). Các biện pháp hạn chế này đồng nghĩa với việc dịch bùng phát sẽ làm gián đoạn các chuỗi cung ứng, các hoạt động sản xuất công nghiệp và dịch vụ, kim ngạch xuất khẩu và doanh số bán hàng trong nước (Hình O5B).

Hình O5. Lây nhiễm COVID-19 tiếp tục diễn ra khi Trung Quốc áp dụng chính sách không COVID chặt, dẫn đến gián đoạn các hoạt động kinh tế



Nguồn: Haver Analytics, Trung tâm Hệ thống Khoa học Kỹ thuật Dữ liệu COVID-19 của Đại học Johns Hopkins.

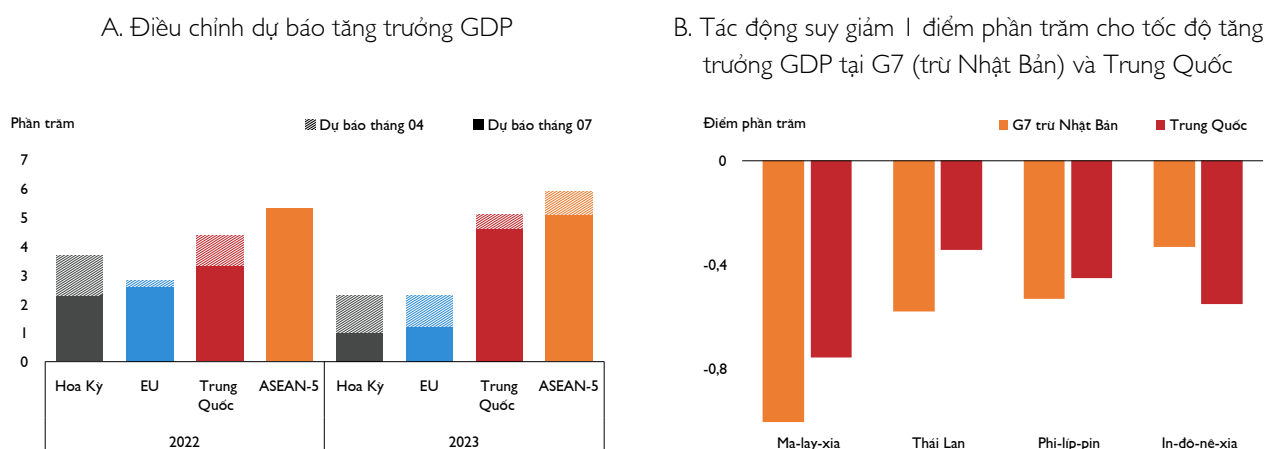
Ghi chú: B. Xuất khẩu hàng hóa, sản xuất công nghiệp và doanh số bán lẻ áp dụng chỉ số từ tháng 12/2019; đối với thời gian giao hàng của nhà cung cấp và dịch vụ PMI, 50+ lần lượt nghĩa là không có chậm trễ khi giao hàng và đang phát triển.

Ba nguy cơ đối với tăng trưởng bao trùm và bền vững

Các nền kinh tế ĐÁ-TBD đang phải đối mặt với nhiều vấn đề nội tại và bên ngoài kết hợp với nhau ở các mức độ khác nhau: kinh tế thế giới suy giảm làm giảm cầu bên ngoài; gánh nặng nợ gia tăng, một số quốc gia vốn đã có nợ mức cao, nay càng khó khăn hơn do ảnh hưởng tăng lãi suất và giảm tỷ giá; các biện pháp trong nước gây méo mó mà một số quốc gia phải áp dụng để xử lý khó khăn hiện tại.

Giảm tốc. Nền kinh tế toàn cầu chững lại dự kiến sẽ gây áp lực lên nhu cầu đối với hàng hóa thương phẩm thô và các sản phẩm chế tạo chế biến xuất khẩu của khu vực, dù ở thời điểm này vẫn khởi sắc. Đồng thời, đại dịch suy giảm giúp du lịch phục hồi sau một thời gian dài đóng băng. Tăng trưởng chững lại ở những nền kinh tế lớn có thể khiến tăng trưởng ở các quốc gia lớn khu vực ĐÁ-TBD giảm thêm 1 điểm phần trăm trong năm nay (Hình O6).

Hình O6. Tăng trưởng toàn cầu chững lại sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến tăng trưởng trong khu vực



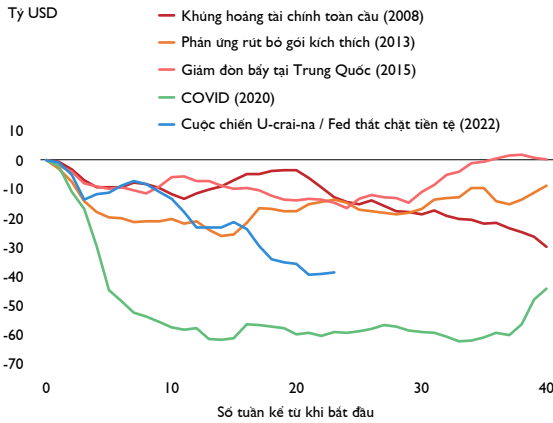
Nguồn: Quỹ Tiền tệ Quốc tế; ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới

Ghi chú: B. Tác động cộng dồn đến tăng trưởng sau một năm. Tham khảo chi tiết tại phần viết.

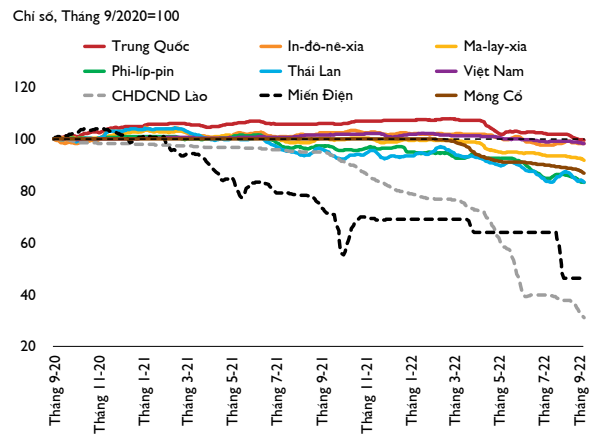
Nợ. Lạm phát ở nước ngoài đang khiến cho lãi suất gia tăng, dòng vốn chạy ra ngoài và đồng tiền mất giá tại các quốc gia ĐÁ-TBD, tất cả những điều đó đều làm tăng gánh nặng trả nợ. Tỷ giá yếu đi cũng góp phần gây ra lạm phát trong nước. CHDCND Lào và Mông Cổ là những quốc gia dễ tổn thương nhất với những yếu tố này, vì các quốc gia này vốn đang gặp khó khăn do nợ cao và sở hữu tỷ lệ lớn nợ có mệnh giá ngoại tệ và lãi suất thả nổi (Hình O7). Gánh nặng trả nợ gia tăng gây khó khăn về tài chính cho chính phủ và doanh nghiệp, qua đó làm hạn chế đầu tư công và đầu tư tư nhân (Hình O8).

Hình 07. Lãi suất quốc tế tăng cao khiến cho dòng vốn rời khỏi các quốc gia ĐÁ-TBD và tạo ra áp lực mất giá đồng tiền ...

A. Dòng vốn nợ và cổ phần tại các thị trường mới nổi (cộng dồn)



B. Tỷ giá (đồng nội tệ so với đô-la Mỹ)

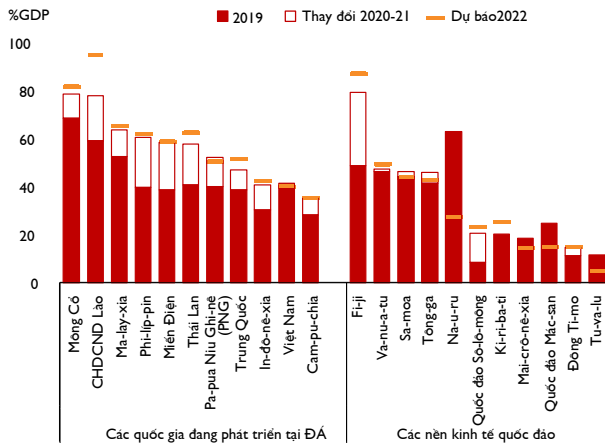


Nguồn: Haver Analytics, Viện Tài chính Quốc tế.

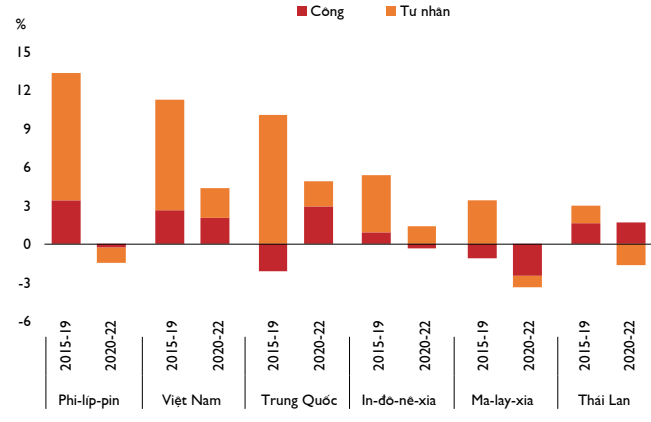
Ghi chú: A. Mẫu gồm một số quốc gia thị trường mới nổi.

Hình 08. ... làm gia tăng gánh nặng nợ, qua đó cản trở đầu tư phục hồi

A. Nợ của khu vực chính phủ



B. Đóng góp của đầu tư công và tư nhân đến tăng trưởng đầu tư



Nguồn: A. Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), B. Cơ sở dữ liệu Vốn và Vốn Đầu tư của IMF năm 2021, Thống kê Tài chính Chính phủ, Quỹ Tiền tệ Quốc tế, Haver Analytics, ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới

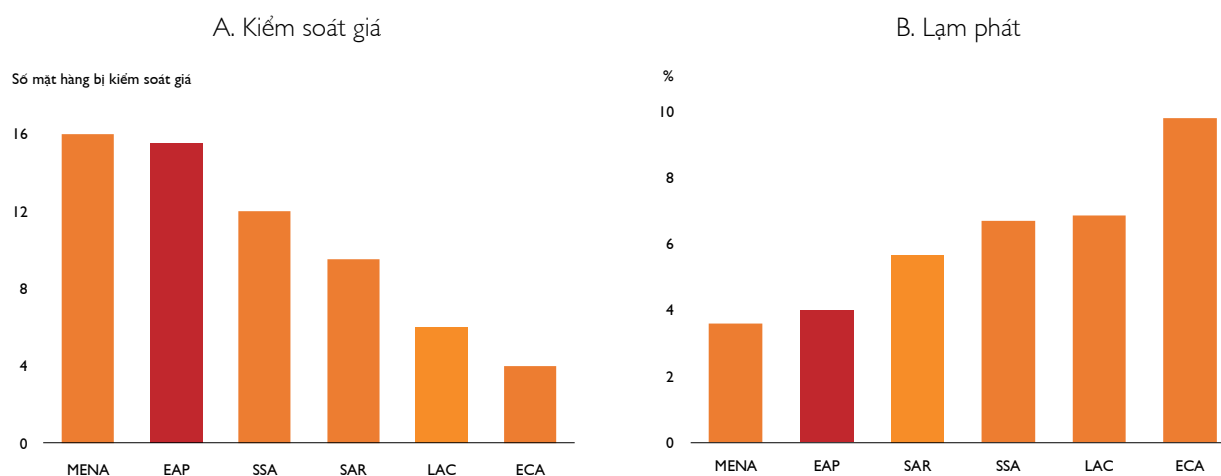
Ghi chú: B. Trình bày chi tiết về tăng trưởng đầu tư thực. 2015-2019 và 2020-2022 thể hiện số liệu bình quân từng giai đoạn. Chi tiết về tăng trưởng đầu tư giai đoạn 2020-2022 là đánh giá và dự báo của nhóm

Méo mó. Chính phủ các quốc gia ĐÁ-TBD đang nỗ lực bảo vệ các hộ gia đình và doanh nghiệp khi chi phí sinh hoạt và sản xuất gia tăng. Lạm phát đã gây xói mòn sức mua ở mức từ 2% ở Việt Nam đến 11% ở Mông Cổ. Chính phủ các quốc gia cũng cần giảm gánh nặng trả nợ công và nợ tư nhân đang gia tăng. Các biện pháp chính sách hiện nay, nhằm ứng phó cú sốc trong ngắn hạn, chỉ nhằm cứu trợ đáp ứng nhu cầu trước mắt, nhưng lại làm gia tăng những méo mó chính sách hiện hành.

- Các biện pháp kiểm soát giá nhiên liệu, giá lương thực thực phẩm bằng trợ giá có thể làm giảm lạm phát (Hình O9) nhưng lại gây méo mó cho lựa chọn của cả nhà sản xuất và người tiêu dùng, do hỗ trợ không chỉ cho người nghèo và DNVVN mà cả người giàu và doanh nghiệp lớn, làm tăng bội chi ngân sách và nợ.
- Các biện pháp nhằm xử lý gánh nặng nợ gia tăng – trong bối cảnh không tăng trưởng nhanh hoặc huy động thu nhanh – có thể gây áp lực lên các thị trường tài chính và do đó làm méo mó các quyết định đầu tư và tiết kiệm trên toàn bộ nền kinh tế.

Những lựa chọn chính sách hiện nay phải đối mặt với các phương án đánh đổi khó khăn do năng lực triển khai hạn chế, thể chế kinh tế yếu, và áp lực chính trị mạnh mẽ. Các phương án đánh đổi cũng phụ thuộc vào khoảng thời gian của các cú sốc. Do năng lực triển khai còn yếu và các cú sốc mang tính tạm thời, nên trợ giá có thể giúp người tiêu dùng và doanh nghiệp tránh được những gián đoạn nghiêm trọng mà không phải phát sinh quá nhiều phí tổn tài khóa.

Hình O9. Kiểm soát giá là một trong những lý do khiến cho lạm phát ở các quốc gia ĐÁ-TBD thấp hơn



Nguồn: A. Đánh giá chính sách thương mại WTO (TPR) B. Báo cáo theo dõi kinh tế toàn cầu (GEM) của Ngân hàng Thế giới.

Ghi chú: Trung vị. A. Số liệu mới nhất có được về các sản phẩm được kiểm soát giá xuất khẩu trước COVID, thu thập qua TPR. B. Mức trung vị của lạm phát CPI từ đầu năm 2022 đến nay. Điều chỉnh theo mùa vụ. Chú giải: MENA = Trung Đông và Bắc Phi; EAP = Đông Á - Thái Bình Dương; SSA = Tiểu vùng Sa-ha-ra châu Phi; SAR = Khu vực Nam Á; LAC = Mỹ La-tinh và Vùng Ca-ri-bê; ECA = Châu Âu và Trung Á.

Tác động của những méo mó mới và cũ

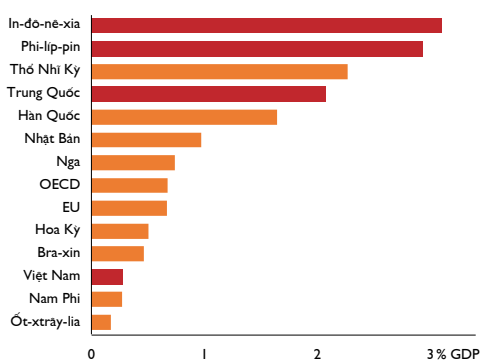
Tín hiệu giá cả các mặt hàng lương thực, thực phẩm, nhiên liệu và tài chính trở nên lộn xộn, kết hợp với những méo mó do những chính sách dài hạn khác gây ra trên thị trường như mô tả dưới đây, sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả tái phân bổ nguồn lực trong thế giới hậu COVID.

Đối với các mặt hàng lương thực, thực phẩm và nhiên liệu, chính phủ các quốc gia ĐÁ-TBD phải đảm bảo ba mục tiêu gồm khả năng chi trả, an ninh và bền vững. Trong cả hai trường hợp, áp lực chính trị hiện nay là ưu tiên cho khả năng chi trả của người tiêu dùng và doanh nghiệp. Mục tiêu này được theo đuổi bằng cách giữ cho giá tiêu dùng ở mức thấp qua trợ giá cho lương thực, thực phẩm và nhiên liệu, đồng thời hạn chế xuất khẩu. Biện pháp trên nhằm hỗ trợ người tiêu dùng và nhà sản xuất, và có lẽ là biện pháp khả thi duy nhất trước mắt, nhưng gây ra phí tổn kinh tế cho dù chỉ là giải pháp tạm thời. Lý do là các biện pháp đó làm thu hẹp dư địa tài khóa, ngăn cản việc chuyển sang dùng thương phẩm rẻ hơn, hỗ trợ cho các doanh nghiệp lớn và giàu có chứ không phải doanh nghiệp vừa và nhỏ và nghèo, đồng thời khiến cho tiền thuế của người dân không được dùng cho chi đầu tư vào hạ tầng, giáo dục và y tế.

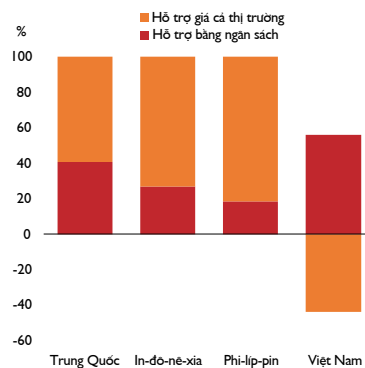
Về lương thực thực phẩm, các biện pháp xử lý khủng hoảng tạm thời nhằm giữ giá ở mức thấp, đi ngược lại với xu hướng chung ở các quốc gia ĐÁ-TBD nhằm hỗ trợ sản xuất, nhất là đối với ngũ cốc. Trong số các chính sách hỗ trợ sản xuất hiện hành, hỗ trợ giá cả thị trường (MPS) (thông qua những hạn chế nhập khẩu và hoạt động mua sắm của chính phủ) đều ở mức cao và đang gia tăng tại một số quốc gia ĐÁ-TBD. Hỗ trợ giá cả thị trường (MPS) cao hơn từ 1,5 đến 4 lần so với hỗ trợ bằng ngân sách ở các quốc gia và chủ yếu tập trung vào sản xuất ngũ cốc, nhất là gạo ngay cả khi xu hướng tiêu dùng trong nước là đa dạng hóa sang rau quả và thịt. Tình trạng bất cân đối như vậy đồng nghĩa với việc phụ thuộc vào nhập khẩu nhiều hơn, giá lương thực thực phẩm cao hơn, và mất an ninh dinh dưỡng trong dài hạn. Hỗ trợ bằng ngân sách cho nông nghiệp dành khoảng từ 40 đến 70% chi cho trợ giá sản xuất và thủy lợi (Hình O10). Các biện pháp trên càng làm ăn sâu bén rễ xu hướng thâm dụng đầu vào trong sản xuất lương thực thực phẩm, vừa kém hiệu quả kinh tế vừa không đáp ứng với những thách thức về suy thoái đất đai, ô nhiễm môi trường và phát thải khí hiệu ứng nhà kính.

Hình O10. Các quốc gia ĐÁ-TBD hỗ trợ cao và ngày càng tăng cho nông nghiệp, chủ yếu qua hỗ trợ giá cả thị trường và hỗ trợ bằng ngân sách cho thủy lợi và trợ giá sản xuất

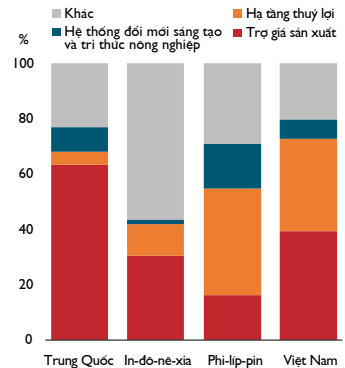
A. Hỗ trợ bằng ngân sách và hỗ trợ giá thị trường cho nông nghiệp (% GDP)



B. Hỗ trợ bằng ngân sách và hỗ trợ giá thị trường cho nông nghiệp (% tổng hỗ trợ)



C. Cơ cấu hỗ trợ bằng ngân sách cho nông nghiệp (% tổng hỗ trợ bằng ngân sách)



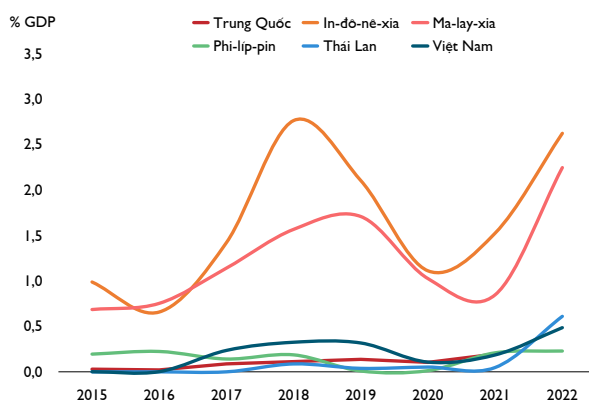
Nguồn: Ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới với số liệu của OECD (2022).

Ghi chú: Các hình trình bày bình quân giai đoạn 2010-2020.

Về nhiên liệu, các biện pháp xử lý khủng hoảng tạm thời nhằm giữ giá thấp đi ngược lại với những nỗ lực của các quốc gia lớn tại ĐÁ-TBD nhằm giảm trợ giá nhiên liệu trong vài năm qua. Trợ giá nhiên liệu đang gia tăng ở hầu hết các quốc gia, bao gồm In-đô-nê-xia và Ma-lay-xia, nhưng họ đã giảm đáng kể (Hình O11). Trợ giá nhiên liệu hiện đang gia tăng ở hầu hết các quốc gia, kể cả ở In-đô-nê-xia là nơi đã giảm trợ giá đáng kể trước đó (Hình O11B). Đồng thời, sản lượng than đang được khôi phục ở các quốc gia, kể cả ở những quốc gia đang bắt đầu đóng cửa các mỏ than. Những hành động như vậy ngày nay có thể ảnh hưởng đến cam kết giảm khí thải cũng như sự phụ thuộc lâu dài vào nhiên liệu hóa thạch nhập khẩu, qua đó làm tăng khả năng tổn thương với các cú sốc giá cả năng lượng trong tương lai.

Hình O11. Trợ giá nhiên liệu hóa thạch của khu vực đã gia tăng trong thời gian qua

Trợ giá nhiên liệu tại các quốc gia ĐÁ-TBD

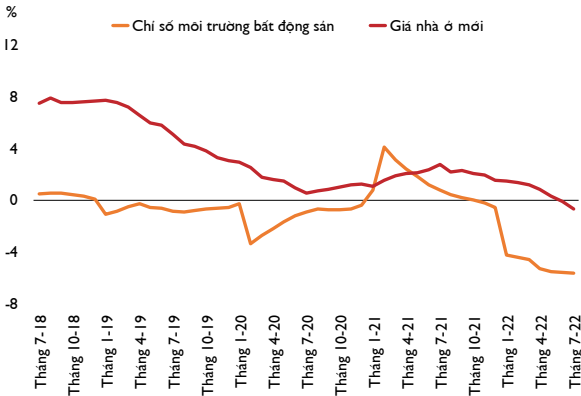


Nguồn: Dữ liệu của IMF cho giai đoạn 2015-2021. Ước tính của Ngân hàng Thế giới cho 2022

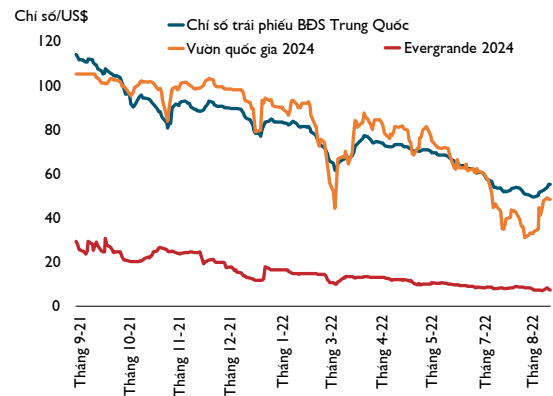
Về tài chính, chính phủ các quốc gia cũng có ba mục tiêu: kiểm soát lạm phát đồng thời duy trì ổn định tài chính và tăng trưởng. Lãi suất đang ở mức cao hiện nay đang gây áp lực cho khu vực với nỗi lo kếp về lạm phát và dòng vốn tháo chạy có thể làm cho đồng nội tệ yếu đi. Những diễn biến như vậy làm tăng gánh nặng trả nợ công và nợ tư nhân đang phình lên do đại dịch - nhất là nợ có lãi suất thả nổi và nợ có mệnh giá bằng ngoại tệ. Căng thẳng về nợ trong khu vực doanh nghiệp gây ảnh hưởng đến các ngân hàng và có thể gây đe dọa mất ổn định tài chính. Những xáo trộn trong lĩnh vực bất động sản ở Trung Quốc là ví dụ về tình trạng khó khăn tồn tại trước đó nổi lên do điều kiện huy động tài chính bị thất bại như hiện nay (Hình O12).

Hình O12. Giá nhà giảm ở Trung Quốc càng gây khó khăn về nguồn tài chính cho các nhà đầu tư bất động sản

A. Hoạt động bất động sản và giá nhà ở Trung Quốc



B. Giá trái phiếu của các nhà đầu tư bất động sản lớn ở Trung Quốc



Nguồn: Ngân hàng Thanh toán Quốc tế; Bloomberg; Kinh tế học Đồng thuận; Haver Analytics; Ngân hàng Thế giới.
Ghi chú: A. Hình trình bày thay đổi tỷ lệ % hàng năm.

Khi các tổ chức tài chính tiếp tục hỗ trợ cho vay các công ty yếu, do hệ quả của chính sách giãn hoãn thời gian trả nợ trong giai đoạn đại dịch, nguồn cung tài chính dành cho các doanh nghiệp sản xuất hiệu quả trở nên ít ỏi hơn, dẫn đến giảm đầu tư và tăng trưởng việc làm. Đồng thời, những khó khăn trong huy động nợ của chính phủ khiến họ tìm cách sử dụng đặc quyền tiếp cận các nguồn tiết kiệm trong nước, thông qua các biện pháp có thể lấn át đầu tư tư nhân cho sản xuất và vì vậy gây ảnh hưởng đến tăng trưởng.

Lựa chọn hiệu quả hơn

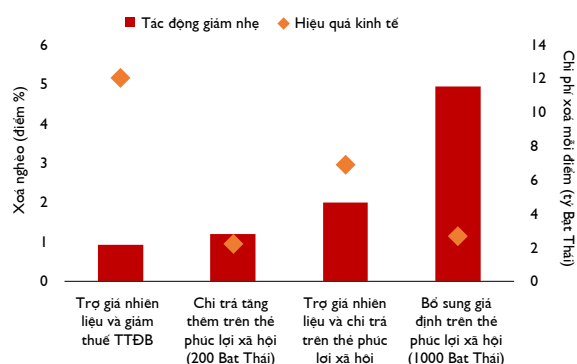
Lạm phát có gây ra tổn thất về lợi nhuận ở mức đáng kể. Các biện pháp kiểm soát giá bằng trợ giá có động cơ là mong muốn bảo vệ người tiêu dùng hoặc tránh gián đoạn sản xuất. Tuy nhiên, hỗ trợ thu nhập là phương thức tốt hơn so với quản lý giá, vì hỗ trợ không làm méo mó cách lựa chọn và có thể tập trung vào đối tượng là những người cần hỗ trợ nhất. Tại Thái Lan, trợ giá nhiên liệu và hỗ trợ bằng tiền đều làm giảm tác động đến tỷ lệ nghèo khi giá cả tăng cao, nhưng hỗ trợ có mục tiêu được cho là có hiệu quả kinh tế cao hơn (O13A). Để giảm nghèo thêm một điểm phần trăm cần phải có 11,2 tỷ Bạt Thái (THB) để trợ giá nhiên liệu, cao hơn gấp năm lần so với hỗ trợ bằng tiền trị giá 2,2 tỷ Bạt Thái (THB). Chính vì vậy, các biện pháp có mục tiêu nhằm hỗ trợ cho những hộ (hoặc thậm chí những doanh nghiệp) dễ bị tổn thương được cho là ít tốn kém hơn cho chính phủ; tại In-đô-nê-xia, trợ cấp năng lượng công khai và ngầm ẩn được thay thế bằng hỗ trợ có mục tiêu cho các nhóm dễ bị tổn thương đem lại khoản tiết kiệm 0,6% GDP cho chính phủ. Phí tổn tài khóa có thể còn nhỏ hơn nếu đó là cú sốc ngắn hạn.

Tuy nhiên, chính phủ vẫn có thể lựa chọn trợ giá thay vì hỗ trợ có mục tiêu vì ba lý do. Một là **trên góc độ phúc lợi xã hội**, thực tế là có một tỷ lệ lớn người nghèo không được nhận hỗ trợ vì nhiều quốc gia chưa có hạ tầng hỗ trợ phù hợp, chẳng hạn như cơ sở dữ liệu đối tượng xã hội đầy đủ. Ví dụ như ở Thái Lan, chưa đến một nửa số người nghèo được nhận thẻ phúc lợi xã hội. Hai là, **trên góc độ chính trị**, hỗ trợ có mục tiêu về nguyên tắc không đem lại lợi ích cho đa số, gồm những người nằm trên ngưỡng nghèo nhưng cũng cảm nhận được khó khăn do lạm phát gây ra. Ba là, **trên góc độ chính sách công nghiệp**, kiểm soát giá có thể bảo vệ doanh nghiệp khi chi phí sản xuất tăng, với nguy cơ

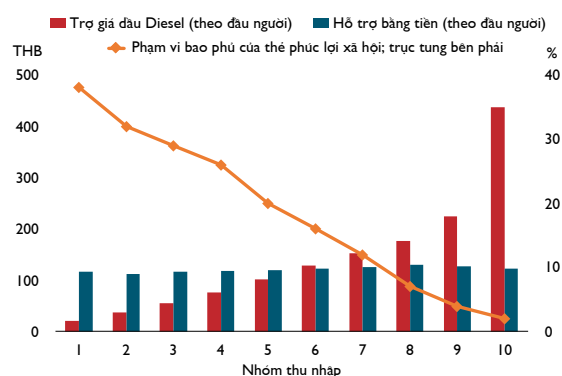
gây gián đoạn phục hồi sau cú sốc COVID-19. Cuối cùng, **trên góc độ chính sách tiền tệ**, các biện pháp kiểm soát giá có thể giữ cho lạm phát không tăng vọt tại những quốc gia, nơi cơ quan tiền tệ chưa đảm bảo độ khả tín hoặc nơi kỳ vọng lạm phát chưa được neo giữ tốt (Hình O13B).

Hình O13. Hỗ trợ trực tiếp là phương án hiệu quả kinh tế hơn để giảm nghèo, nhưng chính phủ các quốc gia vẫn chọn cách trợ giá nhiên liệu vì lý do phúc lợi xã hội, kinh tế chính trị và chính sách vĩ mô

A. Giảm nghèo và hiệu quả kinh tế của biện pháp ứng phó với cú sốc giá cả lương thực thực phẩm và nhiên liệu tại Thái Lan



B. Phúc lợi bình quân tháng, nếu nhận được



Nguồn: Ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới dựa trên Khảo sát KTXH năm 2019 tại Thái Lan.

Ghi chú: A. Kích bản trợ giá nhiên liệu với phí tổn ròng cho ngân sách ở mức 10 Bat Thái (THB) mỗi lít. Hiệu quả kinh tế là số tỷ THB phải chi cho mỗi điểm phần trăm giảm nghèo. B. SWC: Thẻ phúc lợi xã hội. Phúc lợi bình quân hàng tháng theo đầu người qua trợ giá đầu diesel và tăng mức chi trên thẻ phúc lợi xã hội, nếu nhận được (THB, trục tung bên trái); giá trị trợ giá đầu diesel và nâng mức chi trên thẻ phúc lợi xã hội tương quan với thu nhập trên thị trường (% , trục tung bên phải) và phạm vi bao phủ của thẻ phúc lợi xã hội theo nhóm thập vị phân (% , trục tung bên phải)

Chính phủ các quốc gia có thể chuyển đổi từ các biện pháp chính sách kém hiệu quả sang các biện pháp hiệu quả hơn sớm đến đâu? Điều đó tùy vào mức độ sớm xử lý được những hạn chế về năng lực triển khai, thể chế kinh tế và những cân nhắc về chính trị. Ví dụ, để nâng cao hiệu quả đảm bảo xã hội, nhu cầu đặt ra là:

- Xây dựng hạ tầng về cơ sở dữ liệu xã hội, tài khoản ngân hàng và khả năng kết nối di động nhằm hỗ trợ thu nhập kịp thời cho những người cần hỗ trợ nhất;
- Xác định chiến lược kêu gọi sự ủng hộ chính trị rộng rãi cho những cải cách cần thực hiện, chẳng hạn qua hỗ trợ đồng đều nhưng vẫn có tính chất lũy tiến cho những người chịu ảnh hưởng bất lợi;
- Tạo ra cơ chế để hỗ trợ các doanh nghiệp và trang trại ứng phó với những cú sốc tạm thời, bao gồm qua các biện pháp cải thiện năng suất mang tính dài hạn hơn;
- Neo giữ kỳ vọng lạm phát bằng cách nâng cao năng lực và sự chủ động của ngân hàng trung ương để họ có những lựa chọn chính sách tốt và đáng tin cậy, như tại hầu hết các quốc gia lớn trong ASEAN.

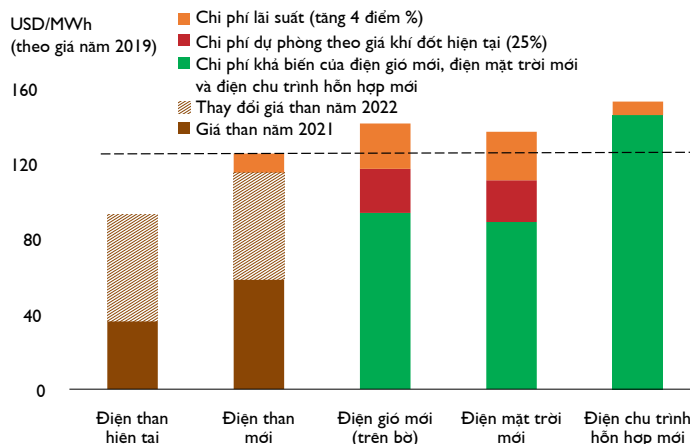
Để hoàn thành các **mục tiêu về lương thực thực phẩm** - về khả năng chi trả, an ninh, và bền vững - chính phủ các quốc gia phải bắt tay vào chuyển trọng tâm từ an ninh lương thực tập trung vào lúa gạo sang an ninh dinh dưỡng. Hàm ý chính sách là khuyến khích sản xuất đa dạng các loại thực phẩm dinh dưỡng, như các sản phẩm chăn nuôi, rau quả, và giảm

những méo mó chính sách hiện hành đang ưu ái cho sản xuất lúa gạo. Nếu hỗ trợ cho nhà sản xuất được cho là cần thiết, lý tưởng nhất là nên hỗ trợ trực tiếp không liên quan đến sản xuất, qua đó nhằm nâng cao hiệu suất sử dụng nguồn lực và tài nguyên. Ngoài ra, chi phí cho lương thực thực phẩm có thể giảm đáng kể bằng cách hạ thấp các hàng rào thương mại. Về lâu dài, mục tiêu là nâng cao khả năng chống chịu và năng suất nông nghiệp nhưng không gây ảnh hưởng đến tính bền vững. Mục tiêu này đòi hỏi phải từng bước loại bỏ và chuyển đổi từ các biện pháp sản xuất và công nghệ thâm dụng đầu vào sang thâm dụng tri thức, chẳng hạn như sử dụng các loại giống cây trồng/vật nuôi tốt hơn và có khả năng chống chịu hơn cũng như các biện pháp nông nghiệp chính xác. Với mục tiêu đó, ngân sách ngành nông nghiệp phải dành ra nhiều hơn so với mức 8% hiện nay cho các hoạt động hình thành và phổ biến kiến thức cũng như đổi mới sáng tạo. Khả năng chống chịu các cú sốc trong dài hạn tốt nhất nên được đảm bảo qua chuẩn bị trước (cải thiện về đánh giá rủi ro và áp dụng các hệ thống cảnh báo sớm) đồng thời cải thiện các hệ thống quản lý hậu kiểm (đảm bảo nguồn lực đầy đủ, vốn dự phòng và dự trữ linh hoạt và đáng tin cậy), cả với khu vực tư nhân. Những chuyển đổi đó sẽ nâng cao khả năng chi trả và đảm bảo tiếp cận giỏ hàng hóa tiêu dùng có dinh dưỡng tốt hơn, góp phần nâng cao thu nhập cho nông dân, và bảo vệ được cơ sở tài nguyên (đất đai, nước, và chất lượng không khí).

Tương tự, để hoàn thành các **mục tiêu về năng lượng**, phương án ứng phó chính sách phải đáp ứng nhu cầu trước mắt về năng lượng trong khả năng chi trả để không ảnh hưởng đến bền vững và an ninh năng lượng. Chính phủ một số quốc gia đang mở rộng các nguồn nhiên liệu hóa thạch hiện có vì họ coi đó là cách rẻ nhất để giảm nhẹ khó khăn trong khủng hoảng hiện nay, nhưng khuyến khích đầu tư vào năng lượng tái tạo có thể giảm nguy cơ về biến động giá nhiên liệu hóa thạch đồng thời giúp hoàn thành cam kết về giảm khí thải. Bên cạnh những cải cách chính sách cần thiết để khuyến khích khu vực tư nhân tham gia, đảm bảo khả năng tiếp cận tài chính với quy mô trong khả năng chi trả và đầu tư xanh trong khu vực công cũng là cách để hỗ trợ cho công nghệ giảm thải các-bon và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi sang năng lượng sạch. Với giá năng lượng như hiện nay, nguồn tài chính rẻ sẽ khiến cho đầu tư vào điện gió và điện mặt trời trở nên hấp dẫn hơn so với xây dựng nhà máy điện than mới (Hình O16). Hỗ trợ như vậy hoàn toàn hợp lý nếu giúp tránh được rủi ro bị kẹt trong phương án hình thành những tài sản có thể không sử dụng được hoặc xả thải các-bon cao trong tương lai. Khi giá năng lượng sau này hạ xuống, áp dụng định giá các-bon sẽ cải thiện được tính khả thi của năng lượng tái tạo và tạo nguồn để hỗ trợ cho những hộ có nguy cơ tổn thương.

Hình O14. Với giá nhiên liệu hiện nay, điện than hiện tại là nguồn năng lượng rẻ nhất, nhưng tạo thuận lợi tiếp cận tài chính sẽ giúp cho năng lượng tái tạo trở nên ít đắt đỏ hơn so với điện than mới

Tác động mô phỏng về giá nhiên liệu và tăng lãi suất đối với chi phí sản xuất năng lượng quy dẫn



Nguồn: IRENA và ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới

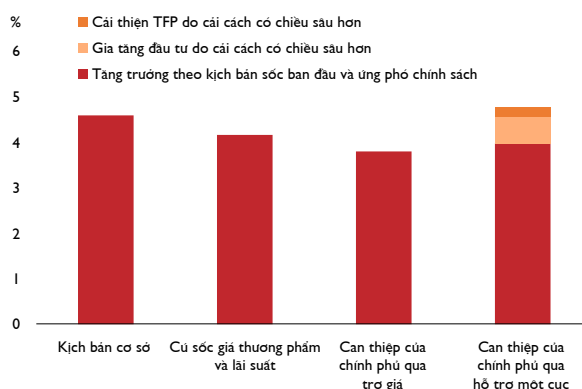
Ghi chú: Hình trình bày tính toán chi phí "quy dẫn" cho đơn giá sản xuất điện bình quân theo từng công nghệ.

Để hoàn thành các **mục tiêu về tài chính**, các cấp có thẩm quyền cần tăng cường các biện pháp an toàn và nâng cao khả năng phân bổ nguồn lực hiệu quả trong khu vực tài chính. Cơ quan giám sát cần đảm bảo các ngân hàng duy trì tỷ lệ vốn lành mạnh và dự phòng đầy đủ cho tổn thất vốn vay trong tương lai. Các quốc gia có tỷ lệ nợ xấu cao và khả năng thanh toán thấp thường phải đối mặt với suy thoái sâu hơn và dài hơn đồng thời quá trình phục hồi cũng chậm hơn so với các quốc gia sớm giải quyết được các vấn đề về nợ xấu. Điều cần thiết là đảm bảo báo cáo kịp thời và minh bạch về chất lượng tài sản ngân hàng để qua đó đánh giá và quản lý được các vấn đề về nợ xấu và xử lý rủi ro phát sinh về phân bổ tín dụng bất hợp lý liên quan đến các biện pháp hỗ trợ khủng hoảng trong đại dịch, như giãn hoãn thời gian trả nợ. Cơ chế hiệu quả để xử lý tình trạng mất khả năng trả nợ cũng giúp giảm nhẹ rủi ro phân bổ tín dụng bất hợp lý. Các nỗ lực của chính phủ nhằm huy động thu, như được thực hiện gần đây tại In-đô-nê-xia qua cải cách hệ thống thuế, và nâng cao hiệu suất chi tiêu, cũng là cách để hạn chế nhu cầu vay nợ của chính phủ, với nguy cơ làm giảm nguồn vốn đầu tư cho khu vực tư nhân. Trong dài hạn, các hệ thống tài chính đa dạng hơn và có chiều sâu hơn sẽ hỗ trợ hoàn thành các mục tiêu phát triển.

Các nhà hoạch định chính sách phải nhìn nhận được rằng công cụ thiếu hiệu quả không chỉ gây phí tổn trước mắt, làm chệch hướng nguồn thu, pha loãng hỗ trợ, làm méo mó những lựa chọn, mà còn gây rủi ro cho các mục tiêu dài hạn hơn về tăng trưởng, an ninh và bền vững. Cú sốc giá cả và lãi suất hiện nay có thể làm giảm tăng trưởng ở khu vực ĐÁ-TBD thêm 0,4 điểm phần trăm, các công cụ thiếu hiệu quả làm giảm tác động đến phúc lợi hiện tại, nhưng làm gia tăng chi phí để tăng trưởng; vì vậy những cải cách sâu hơn và cách can thiệp hiệu quả hơn - không chỉ trong ba nội dung được bàn ở trên, mà cả trên các thị trường dịch vụ và yếu tố sản xuất - có thể là cách để bù đắp cho tác động đến tăng trưởng của những cú sốc gần đây (Hình O15). Xử lý những hạn chế về hạ tầng, thể chế và chính sách sẽ giúp chuyển đổi sang những công cụ chính sách hiệu quả hơn.

Hình O15. Can thiệp thiếu hiệu quả có thể làm tăng chi phí cho tăng trưởng với những cú sốc gần đây về giá cả và lãi suất; cải cách sâu hơn và can thiệp hiệu quả hơn có thể bù lại cho những tác động tiêu cực trên đối với tăng trưởng

Tác động đến tăng trưởng tiềm năng (2022-2031)



Nguồn: Ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

Bảng 01. Dự báo tăng trưởng GDP

			Tháng 04/2022	Dự báo tháng 10/2022	
	2020	2021	Dự báo năm 2022	2022	2023
Đông Á & Thái Bình Dương	1,2	7,2	5,0	3,2	4,6
Đông Á & Thái Bình Dương (trừ Trung Quốc)	-3,6	2,6	4,8	5,3	5,0
ASEAN-5	-3,8	3,4	4,9	5,4	5,1
Các Quốc đảo Thái Bình Dương	-9,5	-3,3	2,9	5,3	5,7
Trung Quốc	2,2	8,1	5,0	2,8	4,5
In-đô-nê-xia	-2,1	3,7	5,1	5,1	5,1
Ma-lay-xia	-5,5	3,1	5,5	6,4	4,2
Phi-líp-pin	-9,5	5,7	5,7	6,5	5,8
Thái Lan	-6,2	1,5	2,9	3,1	4,1
Việt Nam	2,9	2,6	5,3	7,2	6,7
Cam-pu-chia	-3,1	3,0	4,5	4,8	5,2
CHDCND Lào	0,5	2,5	3,8	2,5	3,8
Mông Cổ	-4,4	1,6	2,5	2,4	5,5
Miến Điện	3,2	-18,0	1,0	3,0	
Pa-pua Niu Ghi-nê	-3,5	1,0	4,0	4,0	4,2
Đông Ti-mo	-8,6	1,5	2,4	3,0	3,0
Pa-lau	-9,7	-17,1	7,2	6,0	18,2
Fi-ji	-17,2	-4,1	6,3	12,6	7,8
Quốc đảo Sô-lô-mông	-3,4	-0,2	-2,9	-4,5	2,6
Tu-va-lu	-4,9	0,3	3,5	3,0	3,5
Quốc đảo Mác-san	-2,2	-2,5	3,0	1,5	2,2
Va-nu-a-tu	-5,4	0,5	2,0	2,2	3,4
Ki-ri-ba-ti	-0,5	1,5	1,8	1,5	2,3
Tông-ga	0,5	-2,7	-1,6	-1,6	3,3
Sa-moa	-3,1	-7,1	-0,3	-5,0	2,0
Mai-crô-nê-xia	-1,8	-3,2	0,4	-0,5	3,0
Nau-ru	0,7	1,5	0,9	0,9	1,9

Nguồn: Ngân hàng Thế giới; dự báo và ước tính của cán bộ Ngân hàng Thế giới.

Ghi chú: Tỷ lệ tăng trưởng GDP theo giá thị trường. ASEAN-5 gồm In-đô-nê-xia, Thái Lan, Phi-líp-pin, Ma-lay-xia và Việt Nam. Số liệu cho Đông Ti-mo là GDP chưa tính dầu thô. Đối với các quốc gia sau đây, số liệu được cung cấp tương ứng theo năm tài khóa: Liên bang Mai-crô-nê-xia, Pa-lau, Cộng hòa Quốc đảo Mác-san (từ 01/10-30/09); Nau-ru, Sa-moa và Tông-ga (từ 01/07-30/06). Tỷ lệ tăng trưởng của Miến Điện tính cho năm tài khóa từ tháng 10 đến tháng 09.

CẬP NHẬT TÌNH HÌNH KINH TẾ KHU VỰC ĐÔNG Á - THÁI BÌNH DƯƠNG, THÁNG 10/2022